

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm
sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 02/5/2014 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2014;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp tại công văn số 2270/BTP-PLDSKT ngày 12 tháng 5 năm 2014, của Bộ Công thương tại công văn số 300/BCT-TTNN ngày 12 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (sau đây gọi chung là sản phẩm sữa) bằng các biện pháp sau:

1. Quản lý giá tối đa theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Giá đối với sản phẩm sữa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Thực hiện biện pháp đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Giá đối với sản phẩm sữa trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Giá tối đa của các sản phẩm sữa được quy định như sau:

1. Giá tối đa trong khâu bán buôn:

a) Ban hành mức giá tối đa trong khâu bán buôn đối với 25 sản phẩm sữa tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Trên cơ sở mức giá tối đa của 25 sản phẩm sữa quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm sữa (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm xác định giá tối đa theo hướng dẫn sau:

- Đối với những sản phẩm sữa khác đang lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân căn cứ vào quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành và so sánh về giá của sản phẩm sữa đó với sản phẩm

sữa đã công bố giá tối đa để xác định giá tối đa, gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý giá.

- Đối với những sản phẩm sữa mới, chưa lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân căn cứ vào quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành và so sánh với giá của sản phẩm sữa đang lưu thông trên thị trường đã công bố giá tối đa để xác định giá tối đa cho sản phẩm sữa mới, gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý giá.

2. Giá tối đa trong khâu bán lẻ:

a) Giá tối đa trong khâu bán lẻ được xác định bằng giá tối đa trong khâu bán buôn cộng chi phí khác có liên quan theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý giá nhưng tối đa không quá 15% của giá tối đa trong khâu bán buôn.

b) Tổ chức, cá nhân bán lẻ thuộc đối tượng phải đăng ký giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, căn cứ quy định tại điểm a khoản này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý giá, để xác định giá tối đa trong khâu bán lẻ gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý giá.

3. Trong quá trình thực hiện quy định về mức giá tối đa đối với sản phẩm sữa (bao gồm cả giá tối đa công bố tại điểm a khoản 1 Điều này) nếu có yếu tố dẫn đến phải thay đổi thì căn cứ vào diễn biến thị trường, cơ sở hình thành giá, chi phí sản xuất kinh doanh thực tế của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý giá sẽ xem xét điều chỉnh.

Trường hợp có phản ánh của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý giá sẽ xem xét, giải quyết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi được cung cấp đủ thông tin.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm sữa:

a) Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quyết định này xác định giá tối đa trong khâu bán buôn, giá tối đa trong khâu bán lẻ, gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý giá để làm cơ sở thực hiện quy định về đăng ký giá;

b) Trên cơ sở giá tối đa gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý giá đã được chấp thuận, thực hiện đăng ký giá bán theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Thực hiện công khai giá tại trụ sở, tại nơi bán sản phẩm, cho các kênh phân phối (đối với giá tối đa trong khâu bán buôn) theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý giá:

a) Cơ quan quản lý giá của Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này;

- Tiếp nhận đề nghị về giá tối đa và hồ sơ đăng ký giá để thực hiện rà soát chi phí hình thành giá tối đa, kiểm soát việc đăng ký giá theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân thuộc diện đăng ký giá tại Bộ Tài chính;

- Công khai mức giá tối đa sản phẩm sữa của tổ chức, cá nhân thuộc diện đăng ký giá tại Bộ Tài chính;

- Tổ chức và thực hiện việc phối hợp với các cơ quan chức năng của các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra tình hình thực hiện giá tối đa và đăng ký giá đối với sản phẩm sữa;

- Trong phạm vi thẩm quyền xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh, kịp thời đề xuất các điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; Hướng dẫn chi phí khác có liên quan trong phạm vi mức tối đa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định này;

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính để tiếp nhận đề nghị về giá tối đa và đăng ký giá, thực hiện kiểm soát chi phí hình thành giá tối đa, kiểm soát việc đăng ký giá theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân thuộc diện đăng ký giá trên địa bàn theo thẩm quyền;

- Công khai mức giá tối đa sản phẩm sữa của tổ chức, cá nhân thuộc diện đăng ký giá trên địa bàn theo thẩm quyền;

- Báo cáo kết quả thực hiện biện pháp bình ổn giá hàng tháng và trong trường hợp có yêu cầu khác về Bộ Tài chính;

- Chỉ đạo cơ quan quản lý thị trường và các lực lượng khác có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trong phạm vi quản lý có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện bình ổn giá quy định tại Quyết định này; xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý.

3. Đề nghị các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan chức năng có liên quan phối hợp với cơ quan quản lý giá các cấp triển khai Quyết định này.

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức mình phối hợp thực hiện Quyết định này, kịp thời phản ánh thông tin tình hình về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2014; thực hiện trong khâu bán buôn chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; thực hiện trong khâu bán lẻ chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

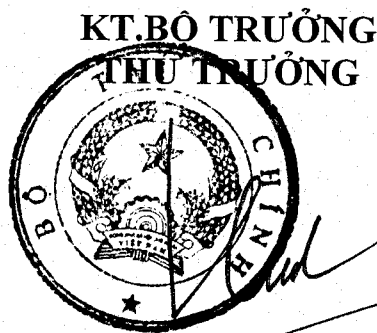
2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

thuộc Bộ Tài chính, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan xác định cụ thể trách nhiệm của mình để thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết kịp thời. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Website Bộ Tài chính;
- Mặt trận TQVN; Hội bảo vệ người TDVN;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ PC; Thanh tra Tài chính;
- Lưu: VT, QLG. (550)



Trần Văn Hiếu

BẢNG GIÁ TỐI ĐA BÁN BUÔN ĐỐI VỚI 25 SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-BTC ngày 20/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng/lon (hộp)

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Giá bán buôn tối đa đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)
1	SP Dielac Alpha 123 HT 900g	Lon (hộp)	167.000
2	SP Dielac Alpha Step 2 HT 900g	Lon (hộp)	188.000
3	SP Dielac Alpha 123 HG 400g	Lon (hộp)	72.000
4	SP Dielac Pedia 1+ HT 900g	Lon (hộp)	278.000
5	SP Dielac Alpha Step 1 HT 900g	Lon (hộp)	180.000
6	IMP FRISOLAC GOLD 1 400g	Lon (hộp)	196.000
7	IMP FRISOLAC GOLD 1 900g	Lon (hộp)	406.000
8	IMP FRISOLAC GOLD 2 900g	Lon (hộp)	400.000
9	IMP FRISO GOLD 3 900g	Lon (hộp)	365.000
10	IMP FRISO GOLD 3 1.500g	Lon (hộp)	550.000
11	NAN Pro 3 LEB047 Tin 900g VN	Lon (hộp)	334.000
12	NAN 2 BL InfMPwdr LEB011A-2 800g VN	Lon (hộp)	328.000
13	NAN 1 BL NWB019-4-S 800g VN	Lon (hộp)	323.000
14	LACTOGEN 3 LCOMFORTISGoldLEB105 900gVN	Lon (hộp)	226.000
15	NAN 2 BLInfMPwdr LEB011A-2 400g N5 VN	Lon (hộp)	183.000
16	Enfagrow A+ 3 vanilla 1.800g	Lon (hộp)	563.000
17	Enfagrow A+ 3 vanilla 900g	Lon (hộp)	309.000
18	Enfamil A+ 2 900g	Lon (hộp)	363.000
19	Enfamil A+ 1 900g	Lon (hộp)	381.000
20	Enfamil A+ 1 400g	Lon (hộp)	187.000
21	Abbott Grow 3 900g	Lon (hộp)	258.000
22	Grow G-Power vanilla 900g	Lon (hộp)	360.000
23	Similac GainPlus IQ 900g (với Intelli-Pro)	Lon (hộp)	405.000
24	Similac GainPlus IQ 1,7kg (với Intelli-Pro)	Lon (hộp)	692.000
25	Grow G-Power vanilla 1,7kg	Lon (hộp)	610.000

Ghi chú: Các thông tin về chất lượng sản phẩm sữa như đã đăng ký lưu hành và kê khai giá với cơ quan quản lý có thẩm quyền